

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/08/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+TD1	7:25	17+4	0+0		17+5	0+0	chuyen 1 clo-td1
2		CTK3+BK9	7:25	15+7	0+0		14+8	0+0	
3		SAVR	7:25	18	0		16	0	puma
4		SAVR+BK14	7:25	10+8	0+0		7+10	0+0	ec
5		BK16+PPD+TD1	9:25	3+10+9	0+0+0		1+11+10	0+0+0	
6		BK20+CTK3	9:25	3+18	0+0		3+18	0+0	chuyen 1 bk20-ctk3
7		SAVR+RP1	9:25	16+0	0+0		4+11	0+0	puma
8		P7+CNV+AMD	9:25	8+7+2	0+0+0		3+10+1	0+0+0	ec
9		P10+BK14+MRM	11:25	5+16+0	0+0+0		4+13+4	0+0+0	
10		BK8+CTK3	13:25	3+19	0+0		2+20	0+0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:CTK3 - BK9	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - THÀNH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/3267	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	IASHNEV V.IU	CTK3	06	1	11	6	120	90	KH-THAC	Russian
2	CAO VĂN ĐẬU	CTK3	07	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI TIEN DUNG	CTK3	16	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH NHO HOANG	CTK3	13	1	7			90	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VAN DOANH	CTK3	08-09	2	6			64	YTE	Vietnamese
6	ĐINH HONG THANG	CTK3						70	SANBAY	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC CHAN	CTK3	19	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
8	TRUONG MANH PHI	CTK3	10-11	2	11			82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG TIEN	CTK3	17	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese
10	VU XUAN TRUC	CTK3	15	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DANH TUAN	CTK3	20	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
12	LE CONG AN	CTK3						67	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐO VĂN TRI	CTK3	14	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
14	TRUONG QUOC BAO	CTK3	12	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG PHÚC THẮNG	CTK3	18	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG HOÀNG ANH	BK9	89	1	8	2	27	86	KH-THAC	Vietnamese
17	VÔ THẾ HẬU	BK9	25	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
18	LE TRUONG AN	BK9	87	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN TRUNG KIẾN	BK9	90	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THẾ LONG	BK9	86	1	11			65	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN MINH THÔNG	BK9	88,08	2	13			70	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐO LY KHANH	BK9	81	1	14			85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	15	1.090	15	87	6	120	14		
2	BK9	7	523	8	68	2	27	8		
TOTAL		22	1.613	23	155	8	147	22		
WEIGHT KG			1.613		155		147			

GRAND TOAL: 1.915 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BUI HOANG DUONG

NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: CLO - TD1	CREW: HÙNG - SON - TÚ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/3264	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	41-43	3	16			74	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN CÔNG PHU	CLO	38	1	5			82	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG THÀNH	CLO	30	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	36	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	37	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HUY THAI	CLO				3	60	75	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	44	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC HAI	CLO	45	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM THANH BÌNH	CLO	28	1	8			85	ANTOAN	Vietnamese
10	TRẦN KIM HÙNG	CLO	27	1	10			73	KHOAN	Vietnamese
11	TRƯƠNG VĂN THỌ	CLO	40	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN ĐOÀN SỬ	CLO	39	1	10			64	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC THĂNG	CLO	34-35	2	14			59	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HIỆU	CLO	26	1	9			73	KHOAN	Vietnamese
15	LÀ VĂN NAM	CLO	32-33	2	14			81	NHA THAU	Vietnamese
16	ĐỖ THANH HAI	CLO	31	1	9			68	DVL	Vietnamese
17	NGÔ THẾ ANH	CLO	29	1	5			67	PSV	Vietnamese
18	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1	56	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	59	1	8	3	18	71	KHOAN	Vietnamese
20	MAI XUÂN TÙNG	TD1	57	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN PHÚ	TD1	58	1	3			87	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	17	1.250	20	130	3	60	17+		CHUYEN 1 PAX CLO-TD1
2	TD1	4	302	4	22	3	18	5		
TOTAL		21	1.552	24	152	6	78	22		
WEIGHT KG			1.552		152		78			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO:SAVR	CREW: NKHÁNH - HOÀI	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/3272	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	SOROKACH VLADIMIR	SAVR	37	1	6	1	16	82	AMNGR	Russian
2	KIRICHENKO K.P.	SAVR	74	1	15			81	KHOAN	Russian
3	TOLSTYKH ANDREI	SAVR	32-33	2	17			73	AMNGR	Russian
4	KOLPAK VLADIMIR	SAVR	34	1	13			99	AMNGR	Russian
5	PHẠM VĂN AN	SAVR	44-45,48	3	16	2	50	70	VTEPCO	Vietnamese
6	TRỊNH HỮU HIỆU	SAVR	53-54	2	19			76	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	SAVR	55	1	8	1	13	61	XAYLAP	Vietnamese
8	PHÙNG THẾ TÀI	SAVR	47	1	12			66	XAYLAP	Vietnamese
9	CHÈ NGỌC TU	SAVR	49-50	2	19			78	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TẤN	SAVR	51-52	2	17			65	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN HUY CƯỜNG	SAVR	72-73	2	19			55	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TÒ THANH	SAVR	41	1	6			64	SHINTRACO	Vietnamese
13	HUYNH TẤN BÌNH	SAVR	42	1	5			65	SHINTRACO	Vietnamese
14	TRẦN MINH SƠN	SAVR	43	1	8			87	SHINTRACO	Vietnamese
15	KRUPIN VLADISLAV	SAVR	39-40	2	19			85	AMNGR	Russian
16	BOGOMOLOV EVGENII	SAVR	30-31	2	12			92	AMNGR	Russian
17	AREFEV ANDREI	SAVR	35-36	2	13			98	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	17	1.297	27	224	4	79	16		
TOTAL		17	1.297	27	224	4	79	16		
WEIGHT KG			1.297		224		79			

GRAND TOAL: 1,600 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGUYỄN VĂN KHÁNH

PHẠM NGỌC HOÀI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1	TO:SAVR- BK14	CREW: LTUÁN - CHIẾN	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/3269	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BULGANIN DANIL	SAVR	03-04	2	11			99	AMNGR	Russian
2	CHERNUSHENKO VLADIMIR	SAVR	08-09	2	15			87	AMNGR	Russian
3	NIKITIN SERGEI	SAVR	01	1	6			82	AMNGR	Russian
4	RODNIKOV STANISLAV	SAVR	06-07	2	9			73	AMNGR	Russian
5	KARIMOV ILNUR	SAVR	02	1	13			77	AMNGR	Russian
6	LÊ HUY ĐIỆP	SAVR	10	1	10	1	15	55	VTEPCO	Vietnamese
7	TRẦN HỮU THỌ	SAVR	46	1	8			87	MINH MINH	Vietnamese
8	PHAN QUYẾT CHIẾN	SAVR	12	1	8	2	18	64	MINH MINH	Vietnamese
9	ARKHIPOV ANDREI	SAVR	05	1	12			113	AMNGR	Russian
10	NGUYỄN TRỌNG MINH	BK14	07	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THÀNH TÀI	BK14	01	1	12	1	17	81	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM DUY PHÚC	BK14	03-04	2	12			67	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ANH TUẤN (17373)	BK14	08-09	2	15			90	KH-THAC	Vietnamese
14	DOÀN QUANG TUẤN	BK14	10	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	BK14	100	1	5			87	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN BÀ LINH	BK14	05-06	2	21			65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỒNG MINH	BK14	02	1	9			91	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	9	737	12	92	3	33	7		
2	BK14	8	622	11	89	1	17	10		
TOTAL		17	1.359	23	181	4	50	17		
WEIGHT KG			1.359		181		50			

GRAND TOAL: 1.590 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

DƯƠNG DUY CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: BK16 - PPD - TD1	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - THÀNH	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/3268	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	HOANG NGOC SANG	BK16	42	1	12			53	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DINH CONG	BK16	43-45	3	16			65	KH-THAC	Vietnamese
3	VU TIEN NGOC	BK16	46	1	4			82	DK9	Vietnamese
4	LEU VAN DUOC	PPD	67-68	2	17	2	35	54	XAYLAP	Vietnamese
5	LE VAN NIN	PPD	57	1	13			68	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN MANH HIEU	PPD	69-70	2	20			71	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN HUU KHUYEN	PPD	56	1	11			63	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM VAN CUONG	PPD	58-59	2	10			70	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM VAN DUONG	PPD	63-64	2	14			59	XAYLAP	Vietnamese
10	DO TIEN MANH	PPD	54-55	2	17			84	XAYLAP	Vietnamese
11	VUONG HUY HOAN	PPD	60-61	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese
12	LE VAN DONG	PPD	65-66	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN VAN TRUONG	PPD	62	1	16			75	XAYLAP	Vietnamese
14	VU DUC TOAN	TD1	56	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG VAN MINH	TD1	58	1	2			67	KHOAN	Vietnamese
16	VU MANH HAI	TD1	55	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN QUANG SANG	TD1	57	1	8			53	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN GIN	TD1	59	1	9			67	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DANG KHOA	TD1	60	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
20	PHAN NGOC TIEN	TD1	61-62	2	15			60	DVL	Vietnamese
21	VU HOANG QUAN	TD1	54	1	5			56	PSV	Vietnamese
22	DAU DUC HUNG	TD1	52-53	2	13			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK16	3	200	5	32	0	0	1		
2	PPD	10	671	17	156	2	35	11		
3	TD1	9	594	11	69	0	0	10		
TOTAL		22	1.465	33	257	2	35	22		
WEIGHT KG			1.465		257		35			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

BUI HOANG DUONG
 NGUYEN MINH DUC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: BK20 - CTK3	CREW: HUNG - SON - TU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/3265	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	ĐINH VĂN SƠN	BK20	59	1	8	2	40	79	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯỜNG VĂN HAI	BK20	57-58	2	14			78	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TUẤN VŨ	BK20	56	1	9			99	PSV	Vietnamese
4	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	12	1	4			49	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	27	1	2			82	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ THANH HÀ	CTK3	13	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ THANH CHUNG	CTK3	04	1	3	3	55	77	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VIỆT HUNG	CTK3	01	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG PHƯƠNG NAM	CTK3	14	1	14			69	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC CHIÊN	CTK3	10	1	2			67	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3	05	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN KHẮC THĂNG	CTK3	06	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM THANH HẢI (17773)	CTK3	07	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NAM	CTK3	16	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG DU KHANH	CTK3	08	1	17			75	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ NGỌC GIAO	CTK3	03	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	11	1	6	1	25	68	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ QUANG HAI	CTK3	02	1	12			75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG HIÊN	CTK3	09	1	2			66	HVJOC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THANH	CTK3	37-38	2	13			62	BDPOC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN MAO	CTK3	36	1	14			56	BDPOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK20	3	256	4	31	2	40	3	1	CHUYEN 1 KHACH BK20-CTK3
2	CTK3	18	1.236	19	127	4	80	19		
TOTAL		21	1.492	23	158	6	120	22		
WEIGHT KG			1.492		158		120			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

LÊ QUÝ HƯNG
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 10:00
B.CARD: NÂU-2	TO:SAVR- RP1	CREW: NKHÁNH - TRÍNH	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/3273	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	IAKANIN IAROSLAV	SAVR	24	1	6			80	AMNGR	Russian
2	GUSHCHIN SEMEN	SAVR	40	1	13			65	AMNGR	Russian
3	SACHOK VALERII	SAVR	39	1	9			83	AMNGR	Russian
4	KRAVTSOV VLADISLAV	SAVR	26-27	2	9			103	AMNGR	Russian
5	TRẦN NGỌC HÙNG	SAVR	28	1	12			73	MINH MINH	Vietnamese
6	PHẠM HỒNG VŨ	SAVR	32-33	2	16			49	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HIẾU	SAVR	43	1	10	1	12	68	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	SAVR	36	1	12	1	10	73	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT DŨNG	SAVR	41	1	15			65	XAYLAP	Vietnamese
10	LE VŨ THUẬT	SAVR	44	1	15			64	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC ĐẠI	SAVR	45	1	15			79	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC PHÁT	SAVR	34-35	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
13	HOÀNG TRUNG KIẾN	SAVR	37-38	2	15			67	BAKER HU	Vietnamese
14	NGUYỄN CAO TRUNG	SAVR	46-47	2	17			65	PV DRILLIN	Vietnamese
15	KVARTNIKOV ALEXEY	SAVR	25	1	11			144	AMNGR	Russian
16	HA ĐỨC THANH	SAVR	29-30	2	11			64	MINH MINH	Vietnamese
17	DUONG MANH HUNG	SAVR				1	27	62	VITECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	17	1.270	22	206	3	49	4		
2	RP1	0	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		17	1.270	22	206	3	49	15		
WEIGHT KG			1.270		206		49			

GRAND TOAL: 1.525 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGUYỄN VĂN KHÁNH
TRẦN KHÁNH TRÍNH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 10:05
B.CARD: VANG-2	TO:P7 - CNV - AMD	CREW: LTUÁN - CHIẾN	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/3270	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN CÔNG AN	P7	26	1	10			74	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN KHÁC SƠN	P7	27-28	2	18	2	41	92	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC ĐÌNH	P7	17	1	11	1	16	83	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC THỊNH	P7	19-20	2	11			54	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN SANG	P7	21-23	3	20			71	XAYLAP	Vietnamese
6	DƯƠNG ĐĂNG CƯỜNG	P7	29	1	16			72	XAYLAP	Vietnamese
7	NGO ĐÌNH NHẬT MINH	P7	24-25	2	18			84	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG ĐỨC PHONG	P7	11	1	18			88	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	80-81	2	10	1	21	66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CNV	71	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
11	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	68	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VŨ HOANG	CNV	72-73	2	11			77	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG QUANG HUY	CNV	69	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀO ĐỨC THẮNG	CNV	82	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG TÀN NGHĨA	CNV	70	1	7			65	PSV	Vietnamese
16	LƯƠNG CAO DŨNG	AMD	61	1	5			76	PHATECO	Vietnamese
17	CAO VĂN VŨ	AMD	62	1	7			69	PHATECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P7	8	618	13	122	3	57	4		
2	CNV	7	474	9	55	1	21	10		
3	AMD	2	145	2	12	0	0	1		
TOTAL		17	1.237	24	189	4	78	15		
WEIGHT KG			1.237		189		78			

GRAND TOAL: 1.504 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: P10 - BK14 - MRM	CREW: XHOÀN - N.CƯƠNG - HIẾU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM25/3266	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN VĂN ĐẠT	P10	90	1	6			66	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG NGOC HOAI	P10	94	1	10	1	13	64	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG THAI TAI	P10	92-93	2	13			74	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM ĐĂNG ĐẠI	P10	91	1	8			81	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐÀO VĂN DŨNG	P10	86-87	2	15			74	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN NHAN KHANH	BK14	13	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT LONG	BK14	15-16	2	12	2	26	69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THIN	BK14	12	1	11	2	40	75	KH-THAC	Vietnamese
9	LE MINH DUC	BK14	14	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THÀNH LUAN	BK14	17	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ CÔNG THOI	BK14	05-06	2	22			60	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	BK14	01-02	2	18			83	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ HỒNG PHONG	BK14	08-09	2	15			59	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SƠN	BK14	03	1	14	1	15	63	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM VIỆT ANH	BK14	18	1	12	1	22	70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN KHÁNH HUNG	BK14	19-20	2	17			71	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ ANH CƯỜNG	BK14	23-24	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU TRƯỞNG	BK14	21-22	2	15			72	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN SA	BK14	10-11	2	10			66	PSV	Vietnamese
20	LÊ ĐÌNH HOÀN	BK14	07	1	3			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	5	359	7	52	1	13	5		
2	BK14	15	1.033	23	195	6	103	13		
3	MRM	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	1.392	30	247	7	116	22		
WEIGHT KG			1.392		247		116			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: CAM-4	TO: BK8 - CTK3	CREW: XHOÀN - N.CƯƠNG - HIẾU	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/3274	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ TIÊN THANH	BK8	21	1	15	1	19	79	GPWS	Vietnamese
2	TRẦN QUANG HAI	BK8	30	1	13			80	GPWS	Vietnamese
3	TRẦN VĂN NAM	BK8	19	1	18	2	25	71	XAYLAP	Vietnamese
4	TRƯƠNG MINH THÈ	CTK3	51-52	2	12			55	BIEN ĐÔNG	Vietnamese
5	LÊ TIÊN TRÌNH	CTK3	57	1	13			55	BIEN ĐÔNG	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC TOÀN	CTK3	72	1	17			91	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI ANH TUẤN	CTK3	60-61	2	13			67	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN BAY	CTK3	58-59	2	18			55	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ ĐÌNH ĐO	CTK3	70	1	10	1	17	77	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG THÀNH	CTK3	64-65	2	18			89	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG VĂN HUNG	CTK3	66	1	5	1	17	76	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐO VĂN SỸ	CTK3	63	1	10	1	15	85	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG VĂN SANG	CTK3	55	1	9	1	14	68	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SƠN	CTK3	49	1	8	1	19	62	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN VĂN TUẤN	CTK3	54	1	4			76	PSV	Vietnamese
16	HOANG VĂN BẠC	CTK3				2	35	68	PSV	Vietnamese
17	PHAN CÔNG SÂM	CTK3	53	1	5			67	PSV	Vietnamese
18	LUƠNG TRỌNG DƯƠNG	CTK3	69	1	9			55	PSV	Vietnamese
19	PHẠM VĂN LƯƠNG	CTK3	68	1	5			64	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN CHÂU	CTK3	45-46	2	18			64	BIEN ĐÔNG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK8	3	230	3	46	3	44	2		
2	CTK3	17	1.174	21	174	7	117	19		
TOTAL		20	1.404	24	220	10	161	21		
WEIGHT KG			1.404		220		161			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHAN NHƯ CƯƠNG

